TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Hùng

2. Bà Huỳnh Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 0952/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: 2 H, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Trần Anh D, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 1 T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Trần Anh D tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 06/8/1990 tại Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó mâu thuẫn phát sinh do cả hai bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống. Từ đó, làm cho cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn sự hòa thuận, tin tưởng và yêu thương nhau. Do đó, bà C yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nguyên Anh T, sinh ngày 19/10/1991 và Trần Ngọc Cầm V, sinh ngày 29/12/2004 (cả 02 con đều đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh D, về giải quyết con chung, tài sản chung và nợ chung để ổn định cuộc sống. Bà C khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn ông Trần Anh D vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí MinhTnhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà C yêu cầu ly hôn với bị đơn ông D hiện đang cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông D vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông D vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 06/8/1990 tại Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà C và ông D là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D không có mặt tham gia để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, có căn cứ xác định ông D đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa ông D và bà C không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà C dành cho ông D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà C để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 108/TL/1991, quyển số 01/1991 ngày 28/10/1991 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 35/2005, quyển số 01/2005 ngày 02/3/2005 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định bà C và ông D có 02 con chung là Trần Nguyên Anh T, sinh ngày 19/10/1991 và Trần Ngọc Cầm V, sinh ngày 29/12/2004 (cả 02 con đều đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Trần Anh D.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nguyên Anh T, sinh ngày 19/10/1991 và Trần Ngọc Cầm V, sinh ngày 29/12/2004 (cả 02 con đều đã thành niên).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0022437 ngày 26/10/2023 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Thị Ngọc C đã nộp đủ án phí.

5. Về nghĩa vụ thi hánh án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án tân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- UBND phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh